

BÀI 7

Kết quả cần đạt

- Cảm nhận được nỗi sâu chia li, ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa và niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ cùng với giá trị nghệ thuật ngôn từ trong đoạn thơ trích **Chinh phụ ngâm khúc**; vẻ đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ qua sự trân trọng và cảm thương của Hồ Xuân Hương ở bài thơ **Bánh trôi nước**. Bước đầu hiểu thể thơ song thất lục bát.
- Nắm được khái niệm **quan hệ từ**, các loại quan hệ từ.
- Luyện tập các thao tác làm văn biểu cảm.

VĂN BẢN

SAU PHÚT CHIA LI

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc* (★))

Chàng⁽¹⁾ thì đi côi xa mưa gió
Thiếp⁽²⁾ thì về buồn cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh.
Chốn Hàm Dương⁽³⁾ chàng còn⁽⁴⁾ ngảnh lại
Bến Tiêu Tương⁽⁵⁾ thiếp hãy trông sang
Bến Tiêu Tương cách Hàm Dương
Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng⁽⁶⁾.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai ?⁽⁷⁾ ...

(Đoàn Thị Điểm (?), trong Đặng Thai Mai, *Giảng văn Chinh phụ ngâm*, Trường ĐHSP Hà Nội I, 1992)

Chú thích

(★) *Chinh phụ ngâm khúc* (Khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận, cũng gọi là *Chinh phụ ngâm*), nguyên văn chữ Hán của Đặng Trần Côn. Ông là người làng Nhân Mục – nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội – sống vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVIII. Sau khi ra đời, *Chinh phụ ngâm khúc* được nhiều người diễn Nôm. Bản diễn Nôm này từng được xem là của Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748), một phụ nữ có tài sắc, người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, nay là huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Nhưng lại có ý kiến cho là của Phan Huy Ích. *Chinh phụ ngâm khúc* là khúc ngâm về nỗi lòng sâu thương, nhớ nhung của người vợ có chồng ra trận. Cả nguyên tác và bản diễn Nôm được dùng đều là kiệt tác trong lịch sử văn học Việt Nam. Đoạn trích trên nói về tâm trạng của người vợ ngay sau phút chia li. Nhan đề đoạn trích do người soạn sách đặt. *Chinh phụ ngâm khúc* trong nguyên tác chữ Hán viết

theo thể thơ khác. Ở đây được diễn Nôm bằng thể song thất lục bát. Song thất lục bát là thể thơ do người Việt Nam sáng tạo, gồm hai câu 7 chữ (song thất) tiếp đến hai câu 6 – 8 (lục bát). Bốn câu thành một khổ, số lượng khổ thơ không hạn định. Chữ cuối câu 7 trên vần với chữ thứ năm câu 7 dưới, đều vần trắc. Chữ cuối câu 7 dưới vần với chữ cuối câu 6, đều vần bằng. Chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu câu 8 đều vần bằng. Chữ cuối câu 8 lại vần với chữ thứ năm câu 7 trên của khổ sau, cũng vần bằng.

(1) *Chàng* : từ mà người phụ nữ xưa dùng để gọi chồng hoặc người yêu trẻ tuổi với ý thân thiết.

(2) *Thiếp* : từ mà người phụ nữ xưa dùng để tự xưng với chồng hoặc với người đàn ông nói chung một cách khiêm nhường. Ở thời phong kiến, *thiếp* còn có nghĩa là vợ lẽ.

(3) *Hàm Dương* : địa danh thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

(4) Ở đây dùng từ *còn* là không khớp vần với từ *xanh* ở cuối câu trên, song từ lâu nhiều sách vẫn ghi như vậy.

(5) *Tiêu Tương* : tên con sông Tương ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, sông sâu, có nước trong xanh nên còn gọi là sông Tiêu, hoặc là Tiêu Tương. Một số sách chú là hai sông Tiêu và Tương hợp làm một mà thành sông Tiêu Tương. Các địa danh ở đây chủ yếu được dùng theo bút pháp ước lệ của văn thơ trung đại.

(6) *Trùng* : tầng, lớp giống nhau, chồng chất lên nhau.

(7) Có bản chép : "... ai sâu cho ai ?".

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Căn cứ vào lời giới thiệu sơ lược về thể song thất lục bát ở chú thích (★), hãy nhận dạng thể thơ của đoạn thơ dịch được trích về số câu, số chữ trong các câu và cách hiệp vần trong một khổ thơ.

2. Qua 4 câu khổ đầu, nỗi sầu chia li của người vợ đã được gợi tả như thế nào ? Cách dùng phép đối *Chàng thì đi – Thiếp thì về* và việc sử dụng hình ảnh "tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh" có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li đó ?

3. Qua 4 câu khổ thứ hai, nỗi sầu đó được gợi tả thêm như thế nào ? Cách dùng phép đối *còn ngánh (ngoảnh) lại – hây trông sang* trong hai câu 7 chữ, cách

điệp và đảo vị trí của hai địa danh *Hàm Dương – Tiêu Tương* có ý nghĩa gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li ?

4. Qua 4 câu khổ cuối, nỗi sầu đó còn được tiếp tục gợi tả và nâng lên như thế nào ? Các điệp từ *cùng, thấy* trong hai câu 7 chữ và cách nói về *ngàn dâu*, màu xanh của *ngàn dâu* có tác dụng gì trong việc gợi tả nỗi sầu chia li ?

5.* Hãy chỉ ra một cách đầy đủ các kiểu điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu lên tác dụng biểu cảm của các điệp ngữ đó.

6. Từ những phân tích trên, em hãy phát biểu về cảm xúc chủ đạo, về ngôn ngữ và giọng điệu của đoạn thơ.

Ghi nhớ

Bằng một nghệ thuật ngôn từ vô cùng điêu luyện, đặc biệt là nghệ thuật dùng điệp ngữ rất mực tài tình, đoạn ngâm khúc cho thấy nỗi sầu chia li của người chinh phụ sau lúc tiễn đưa chồng ra trận. Nỗi sầu này vừa có ý nghĩa tố cáo chiến tranh phi nghĩa, vừa thể hiện niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

LUYỆN TẬP

1. Hãy phân tích màu xanh trong đoạn thơ bằng cách :

a) Ghi đủ các từ chỉ màu xanh.

b) Phân biệt sự khác nhau trong các màu xanh.

c) Nêu tác dụng của việc sử dụng màu xanh trong việc diễn tả nỗi sầu chia li của người chinh phụ.

2. Học thuộc lòng đoạn thơ.

ĐỌC THÊM

– Đánh giá *Chinh phụ ngâm khúc* (nguyên văn) :

"Lời ý lâm li, khác lạ, làm khoái chá miệng người ta."

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*)

– Đánh giá *Chinh phụ ngâm khúc* (dịch) :

"Trong các bài diễn ca có một bài đã được truyền bá khắp dân gian. Từ kẻ quê đến thành thị, không mấy người không biết một vài câu :

... Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp, ai sầu cho ai ?

Những câu ấy không những tả cảnh li biệt của chinh phu (người chồng ra trận) – chinh phụ, mà cũng tả cảnh li biệt của tất cả những cặp vợ chồng. Vì đó mà *Chinh phụ ngâm khúc* đã làm rung động biết bao quả tim thiếu phụ".

(Hoàng Xuân Hãn, *Tựa – Chinh phụ ngâm bị khảo*)

– Đánh giá đoạn *Sau phút chia li* :

"Mười hai câu sau đây^(a), tưởng không có một người Việt Nam nào đã yêu (yêu văn chương cổ, cố nhiên !), đã biết cảnh biệt li mà không nhớ".

(Đặng Thai Mai, *Giảng văn Chinh phụ ngâm*)